

Số: 107 /KH-THCS

Thủy Triều, ngày 06 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH
Về việc thực hiện công khai trong nhà trường
năm học 2022 - 2023.

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”.

Thực hiện Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ về việc thực hiện công khai minh bạch tài sản, thu nhập;

Thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2022 - 2023 của nhà trường và đặc điểm tình hình nhà trường, trường THCS Thủy Triều xây dựng kế hoạch 3 công khai thực hiện trong năm học 2022 - 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường, xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục để xã hội tham gia giám sát và đánh giá theo quy định của pháp luật.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

II.1. Công khai cam kết chất lượng GD và chất lượng giáo dục thực tế:

1.1 Công khai cam kết chất lượng giáo dục:

- Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp đầu cấp của nhà trường, thực hiện chương trình giáo dục mà nhà trường giảng dạy, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình, những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường (phòng học, thiết bị dạy học, tin học...); các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, tình hình đội ngũ giáo viên, cán bộ quản

lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả học lực, hạnh kiểm, sức khỏe của học sinh, dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh.

1.2. Công khai về chất lượng giáo dục thực tế:

- Sĩ số học sinh trong từng lớp, từng khối lớp, số học sinh nam, nữ từng lớp.
- Kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh cuối năm học tính theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Huyện, cấp TP về các bộ môn văn hóa, về các cuộc thi trên mạng (nếu có), các cuộc thi về TĐTT; tỉ lệ học sinh đủ điều kiện được công nhận TN THCS, đỗ vào lớp 10 hệ công lập.
- Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, cơ quan chủ quản đánh giá (khi đã đề nghị đánh giá ngoài) công nhận đạt hoặc chưa đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

2.1. Cơ sở vật chất:

Về số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, sân chơi bãi tập được tính bình quân trên một học sinh; tổng số thiết bị phục vụ dạy học được tính bình quân trên một lớp; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện ánh sáng; kết nối thông tin mạng Internet, tường rào bảo vệ trường.

2.2. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng, chức danh theo Hạng, trình độ đào tạo, tổng số CB-CC-VC, hình thức tuyển dụng theo NĐ 116 (*biên chế, hợp đồng làm việc*); các hình thức hợp đồng khác theo 102; trình độ đào tạo.
- Số lượng giáo viên, CBQL và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học và 02 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

3.1. Tình hình tài chính của nhà trường:

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính về ngân sách nhà nước hỗ trợ.

3.2. Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học:

- Mức thu các khoản thu khác từ người học theo công văn số 1866/SGDĐT-KHTC ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng “ *V/v thực hiện các khoản thu trong các cơ sở giáo dục năm học 2021 -2022*”; công văn 2452/UBND-GDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Thủy Nguyên “ *V/v thực hiện các khoản thu trong các trường học năm học 2021 -2022*”

- Dự kiến 02 năm tiếp theo: theo công văn hướng dẫn của cấp trên

3.3. Công khai các khoản chi theo từng năm học:

- Chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi tham quan học tập; mức thu nhập của giáo viên, CBQL (*mức cao nhất, mức thấp nhất*), chi thường xuyên, chi đầu tư sửa chữa, chi đầu tư xây dựng, mua sắm.

- Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội (*đính kèm bảng thống kê, báo cáo chi tiết*).

- Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

- Công khai kết quả thanh, kiểm tra (nếu có).

4. Công khai tài sản, thu nhập cá nhân:

*Thành phần CBGV, NV phải công khai:

- Đ/c Phạm Thúy hoa - Hiệu Trưởng

- Đ/c Vũ Thị Thúy Hương - Phó Hiệu trưởng

- Đ/c Bùi Thị Thúy - Kế toán

*Thực hiện theo nội dung Thông tư số 08/2013/TT-TTCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ về việc thực hiện công khai minh bạch tài sản, thu nhập.

III. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Hình thức:

- Công khai trên website của nhà trường: <http://c2thuytrieuhp.edu.vn>

- Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

- Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

- Công khai trong các hội nghị HĐSP, họp ban đại diện CMHS, sơ kết, tổng kết năm học.

2. Thời điểm công khai:

- Công khai vào đầu năm học, khi kết thúc năm học, đầu năm (công khai tài sản) đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (đầu tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Công khai khi kết thúc năm học (Tháng 6)

- Khi công khai có biên bản công khai, biên bản tháo dỡ công khai và báo cáo cấp trên quản lý.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Tổ chức thực hiện:

* Ban giám hiệu:

YÊN
TRU
NGH
HUY

- Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai trong nhà trường

+ Trưởng ban: Hiệu trưởng nhà trường

+ Phó trưởng ban: Phó Hiệu trưởng và Chủ tịch Công đoàn

+ Ủy viên: Tổ trưởng, trưởng các bộ phận, tổ chức đoàn thể.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên của Ban chỉ đạo

+ Trưởng Ban: Tổ chức học tập, quán triệt nội dung Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân”; Nghị định 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ, Thông tư số 08/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ về việc thực hiện công khai minh bạch tài sản, thu nhập trong Hội đồng sư phạm nhà trường, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện sơ, tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

+ Phó trưởng ban: Triển khai KH của trường Ban đến từng thành viên, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thành viên Ban chỉ đạo thực hiện nghiêm túc Quy chế và văn bản hướng dẫn thực hiện kế hoạch công khai của Phòng Giáo dục và Đào tạo

+ Ủy viên trong ban chỉ đạo: Thực hiện theo sự phân công của trưởng, phó ban, căn cứ Quy chế công khai ban hành theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc “Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân” để tiến hành thu thập thông tin, số liệu kê khai các biểu mẫu: 05, 09, 10, 11; báo cáo nội dung công khai: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; công khai thu, chi tài chính. Đồng thời phải bảo đảm thời gian hoàn tất báo cáo để công khai trước tập thể nhà trường, phụ huynh học sinh và cơ quan lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo đúng lộ trình đề ra trong kế hoạch.

***Tổ chuyên môn - Tổ Văn phòng**

Chỉ đạo trực tiếp các tổ viên tiến hành điều tra thông tin, thu thập số liệu cập nhật vào các biểu mẫu số: 09,10,11,12 và điều hành kê khai báo cáo thu chi tài chính; tổ chức kiểm tra và nhập thông tin trên máy vi tính.

Tập hợp các loại hồ sơ để niêm yết công khai như: Nội quy, Quy chế làm việc của nhà trường; Quy chế dân chủ cơ sở; Bản tổng hợp chất lượng giáo dục; Bảng phân lao động; Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021, kiểm tra thời gian tổ chức công khai, địa điểm công khai và thường xuyên báo cáo với trưởng Ban về tình hình triển khai Quy chế thực hiện công khai đối của nhà trường.

*** Đoàn thể:**

ỦY BAN
CÔNG
CÁC
RIÊU
SINH

Phôi kết hợp giám sát, hoàn thiện thêm thông tin để làm tốt công khai trong nhà trường.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2022 -2023; công khai tài sản, thu nhập của trường THCS Thủy Triều. Đề nghị các đồng chí BGH, công đoàn, tổ chuyên môn, tổ hành chính nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT (để b/c);
- Ban TTND;
- Trường các đoàn thể;
- Tổ trưởng tổ c/m;
- Công khai tại phòng tiếp dân;
- Lưu VT.



Phạm Thúy Hoa



Số: 108 /QĐ-THCS

Thủy Triều, ngày 07 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện
Qui chế công khai nhà trường, năm học 2022 - 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS THỦY TRIỀU

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay thành lập Ban chỉ đạo triển khai thực hiện qui chế công khai nhà trường theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, năm học 2022 - 2023 gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Bà: Phạm Thúy Hoa	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2. Bà: Vũ Thị Thúy Hương	Phó Hiệu trưởng	Phó ban thường trực
3. Bà: Đào Thị Mỹ Hạnh	CTCĐ	Phó ban
4. Bà: Bùi Thị Thúy	Tổ trưởng tổ VP	Ủy viên
5. Bà: Nguyễn Thị Hồng Oanh	Trưởng ban TTND	Ủy viên
6. Bà: Nguyễn Thị Ngà	Thư kí hội đồng	Thư kí

Điều 2. Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai theo kế hoạch, thời gian và nhiệm vụ được phân công; thu thập đầy đủ, chính xác các số liệu để kê khai các biểu mẫu 09,10,11,12 gồm nội dung: Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục; công khai thu chi tài chính.

Điều 3. Các ông (bà) có tên ở điều 1 căn cứ thi hành theo quyết định này kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



Phạm Thúy Hoa

Số: 109/QĐ-THCS

Thủy Triều, ngày 7 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công khai của nhà trường, năm học 2022 – 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS THỦY TRIỀU

Căn cứ Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn Quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Quy chế thực hiện công khai trong Trường THCS Thủy Triều.

Điều 2. Quy chế này được áp dụng cho các hoạt động công khai của nhà trường theo đúng tinh thần chỉ đạo của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường THCS Thủy Triều có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



Phạm Thúy Hoa

QUY CHẾ

Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục Của Trường THCS Thủy Triều

(Ban hành kèm theo Quyết định số 109 /QĐ-THCS ngày 07 tháng 9 năm 2022 của
Hiệu trưởng trường THCS Thủy Triều)

Căn cứ Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân (Ban hành kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT)

Trường THCS Thủy Triều xây dựng quy chế thực hiện quy định về công khai minh bạch trong hoạt động của đơn vị, năm học 2022 - 2023 như sau:

THỰC HIỆN CÔNG KHAI ĐỐI VỚI NHÀ TRƯỜNG

I. NỘI DUNG CÔNG KHAI

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

1.1. Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh vào lớp 6 của trường, chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục, kết quả đánh giá về từng năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (theo Biểu mẫu 09).

1.2. *Chất lượng giáo dục thực tế:* số học sinh học 02 buổi/ngày; số học sinh được đánh giá định kỳ cuối năm học về từng năng lực, phẩm chất, kết quả học tập, số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét tốt nghiệp THCS, số học sinh được công nhận TN THCS (theo Biểu mẫu 10)

1.3. *Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.*

1.4. *Kiểm định cơ sở giáo dục:* Công khai báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục:

2.1. *Cơ sở vật chất:* số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng và các phòng khác tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (theo Biểu mẫu 11)

2.2. *Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:*

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được chia theo hạng chức danh nghề nghiệp, chuẩn nghề nghiệp và trình độ đào tạo (*theo Biểu mẫu 12*)

Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính:

3.1. *Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục:*

Công khai tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước... Thực hiện nghiêm túc công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo các văn bản quy định hiện hành về công khai quản lý tài chính.

3.2. *Học phí và các khoản thu các từ người học:* mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

3.3. *Các khoản chi theo từng năm học:* các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn và các khoản chi khác.

3.4. *Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm*

II. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI

1. Đối với các nội dung quy định trên của Quy chế này:

1.1. Công khai trên Websit của trường, ở địa chỉ C2thuytrieuhp.edu.vn vào tháng 6 hàng năm, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật sau khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

1.2. Niêm yết công khai trên bảng tin nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét. Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan.

- Đối với nội dung "*Các khoản thu từ học sinh trong năm học 2022 -2023 và dự kiến cho năm học tiếp theo*" phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh và niêm yết trên bảng tin công khai của nhà trường (*ở phòng Tư vấn tâm lý học đường*).

Bất cứ lúc nào, cơ sở giáo dục hoạt động, cha mẹ học sinh và những người quan tâm đều có thể tiếp cận các thông tin trên. Để chuẩn bị cho năm học mới, cơ sở giáo dục có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

2. Đối với nội dung quy định công khai thu, nhà trường thực hiện công khai như sau:

2.1. Đối với học sinh mới tiếp nhận: Phổ biến trong cuộc họp cha mẹ học sinh hoặc phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi cơ sở giáo dục tiếp nhận giáo dục.

2.2. Đối với học sinh đang học tại cơ sở giáo dục: Phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của thủ trưởng cơ sở giáo dục

1.1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai quy định tại Quy chế này. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

1.2. Báo cáo kết quả thực hiện quy chế công khai của năm học trước và kế hoạch triển khai quy chế công khai của năm học sắp tới cho cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra (quy định tại Điều 15 của Quy chế) và cơ quan chủ quản (nếu có) trước 30 tháng 9 hàng năm.

1.3. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của cơ sở giáo dục (quy định tại Điều 15 của Quy chế).

1.4. Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

a. Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của cơ sở giáo dục.

b. Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại cơ sở giáo dục đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

c. Đưa lên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục.

Nơi nhận:

- Website trường;
- Lưu hồ sơ công khai;
- Lưu VT.



Phạm Thúy Hoa

UBND HUYỆN THỦY NGUYÊN
TRƯỜNG THCS THỦY TRIỀU

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở Thủy Triều, năm học 2022 - 2023

(Theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo	Đảm bảo
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	CTNT thực hiện CTGD PT mới 2018	CTNT thực hiện CTGD PT mới 2018	CTNT hiện hành	CTNT hiện hành
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Thường xuyên, nghiêm túc, hợp tác	Thường xuyên, nghiêm túc, hợp tác	Thường xuyên, nghiêm túc, hợp tác	Thường xuyên, nghiêm túc, hợp tác
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Đáp ứng được các nhu cầu tối thiểu của HS	Đáp ứng được các nhu cầu tối thiểu của HS	Đáp ứng được các nhu cầu tối thiểu của HS	Đáp ứng được các nhu cầu tối thiểu của HS
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	Đáp ứng theo chuẩn đầu ra của chương trình GDPT 2018	Đáp ứng theo chuẩn đầu ra của chương trình GDPT 2018	Đáp ứng theo chuẩn đầu ra của chương trình THCS hiện hành	Đáp ứng theo chuẩn đầu ra của chương trình THCS hiện hành
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Được đảm bảo, kể cả HS nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt	Được đảm bảo, kể cả HS nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt	Được đảm bảo, kể cả HS nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt	Được đảm bảo, kể cả HS nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt

Thủy Triều, ngày 15 tháng 9 năm 2022



Phạm Thúy Hoa

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Cừ, năm học 2022- 2023

(Theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1068	302	301	238	223
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1031 96.7	293 97.02	299 99.34	226 94.96	213 95.52
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	35 3,3	10 3,31	3 1	12 5.04	10 4.48
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1068	302	301	238	223
1	Giỏi (Tốt) (tỷ lệ so với tổng số)	280 26.3	59 19.54	79 26.25	73 30.67	69 30.94
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	485 45.6	142 47.02	160 53.16	87 36.55	96 43.05
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	282 26.5	98 32.45	59 19.6	67 28.15	58 26.01
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	17 1.6	3 0.99	3 1	11 4.62	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0

III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1051 99.84	301 99,01	300 99	227 95.38	223 100
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	280 26.3	59 19.54	79 26.25	73 30.68	69 30.94
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	183 40	0	0	87 36.55	96 43.05
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	17 0.16	3 0.99	3 1	11 4.62	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Đến 6 0.5 Đi 16 1.5	0 0 4 1.3	2 0.6 6 1.9	2 0.8 5 2.1	2 0.8 1 0.4
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.01	0	0	0	2 0.01
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	48	5	5	15	23
2	Cấp tỉnh/thành phố	4	0	0	1	3
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	223				223
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	223				223
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	69 30.94				69 30.94

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	96 43.05				96 43.05
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	58 26.01				58 26.01
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	537/531	150/152	146/155	132/106	105/118
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	5	1	1		3

Thị Triệu ngày 15 tháng 6 năm 2023
 TRƯỞNG
 THỦ
 NGUYỄN VĂN CỬ
 ỦY BAN NHÂN DÂN * HẢI PHÒNG

Phạm Thúy Hoa

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Thủy Triều,
năm học 2022 - 2023**

(Theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	22	1,57 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	22	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	7	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	0,8	
8	Bình quân học sinh/lớp	40,2	
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.880	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	5154	
VI	Tổng diện tích các phòng (31 phòng)	2.110,5	
1	Diện tích phòng học (m ²) (21 phòng)	1.323	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²) (7 phòng)	567	
3	Diện tích thư viện (m ²)	126	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	94,5	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	20	Số bộ/lớp

1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	05 bộ	
1.2	Khối lớp 7	05 bộ	
1.3	Khối lớp 8	05 bộ	
1.4	Khối lớp 9	05 bộ	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	04 bộ	
2.1	Khối lớp 6	03 bộ	
2.2	Khối lớp 7	03 bộ	
2.3	Khối lớp 8	02 bộ	
2.4	Khối lớp 9	02 bộ	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	200	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	24	28 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	38	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	13	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	
5	Thiết bị khác: Loa vi tính	18	
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	38	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	13	
2	Cát xét	03	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	7	
5	Thiết bị khác: Loa vi tính	18	
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2	6	3-3	0,27	1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Thủy Triều, ngày 04 tháng 9 năm 2022



Phạm Thúy Hoa

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở Nguyễn Văn Cừ,
năm học 2022 - 2023

(Theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và
Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ
thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	38	2,8 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	38	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	15	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	1	
7	Bình quân lớp/phòng học	26	01/01
8	Bình quân học sinh/lớp	41,07	41,07
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	23.046	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	9179	
VI	Tổng diện tích các phòng (44 phòng)	2.994,5	
1	Diện tích phòng học (m ²) (29 phòng)	1.723	61,9m ²
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²) (15 phòng)	967	64,4m ²
3	Diện tích thư viện (m ²)	174	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	130,5	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	28	Số bộ/lớp



1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	07 bộ	
1.2	Khối lớp 7	07 bộ	
1.3	Khối lớp 8	07 bộ	
1.4	Khối lớp 9	07bộ	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	14 bộ	
2.1	Khối lớp 6	04 bộ	
2.2	Khối lớp 7	04 bộ	
2.3	Khối lớp 8	03 bộ	
2.4	Khối lớp 9	03 bộ	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	315	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	21 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	38	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	
2	Cát xét	5	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	19	
5	Thiết bị khác: Loa vi tính	26	
6		

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	38	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	18	
2	Cát xét	05	
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	19	
5	Thiết bị khác: Loa vi tính	26	
..		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	6	3-3	0,27	1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Thủy Triều ngày 15 tháng 2 năm 2023

TRƯỜNG
THCS HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN VĂN CÙ

Phạm Thúy Hoa

THÔNG BÁO

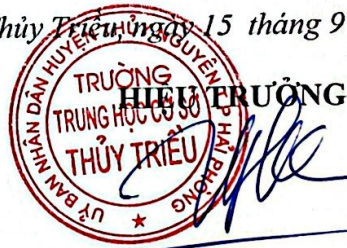
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trường trung học cơ sở Thủy Triều năm học 2022- 2023

(Theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	38	0	0	34	3	1	0	4	34	0				0
I	Giáo viên	32		0	30	2	0	0	3	30	0				0
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	6			6					6					
2	Lý	1			1					1					
3	Hóa	2			2					2					
4	Sinh	1			1					1					
5	Thể dục	3			2	1			1	2					
6	Công nghệ	2			2					1					
7	Ngữ văn	8			8					8					
8	Sử	1			1					1					
9	Địa	1			1					1					
10	GDCD	1			1					1					
11	Nhạc	1				1			1	1					
12	Mỹ thuật	1			1					1					
13	Tiếng Anh	3			3					3					
14	Tin học	1			1					1					

II	Cán bộ quản lý	2																
1	Hiệu trưởng			1					1									
2	Phó hiệu trưởng			1					1									
III	Nhân viên	2																
1	Nhân viên văn thư	0																
2	Nhân viên kế toán	1		1					1									
3	Thủ quỹ	1				1			1									
4	Nhân viên y tế	0																
5	Nhân viên thư viện	1		1					1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1				1									
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0																
8	Nhân viên công nghệ thông tin	0																
9	...																	

Thủy Triều, ngày 15 tháng 9 năm 2022



Phạm Thúy Hoa

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trường trung học

ơ sở Nguyễn Văn Cừ năm học 2022- 2023

(Theo hướng dẫn của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	57	0	2	53	2	2	0	4	55					0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	46	0	1	43	2	0	0	2	44	0				0
1	Toán	10			10					10					
2	Lý	1			1					1					
3	Hóa	3			3					3					
4	Sinh	1			1					1					
5	Thể dục	3			2	1			1	3					
6	Công nghệ	2			2					2					
7	Ngữ văn	11			11					11					
8	Sử	2			2					2					
9	Địa	2			2					2					
10	GDCD	1			1					1					
11	Nhạc	1				1			1	1					
12	Mỹ thuật	2			2					2					
13	Tiếng Anh	5			5					5					
14	Tin học	2			2					2					

II	Cán bộ quản lý	4																
1	Hiệu trưởng	1			1					1								
2	Phó hiệu trưởng	3		1	2					3								
III	Nhân viên	7																
1	Nhân viên văn thư	0			1													
2	Nhân viên kế toán	2			2					2								
3	Thủ quỹ	1						1										
4	Nhân viên y tế	0																
5	Nhân viên thư viện	1			1					1								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2			1		1		1	1								
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0																
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1			1					1								
9	...																	

Thùy Triệu, ngày 25 tháng 2 năm 2023



Phạm Thúy Hoa